TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **163/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 12 - 2024
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đặng Hoàng Mích
2. Ông Lê Văn Đạo

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Tuyết là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 435/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 324/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 246/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Lê Thị Tuyết M**, sinh ngày: 04/11/1984 (Vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh T.
- *Bị đơn*: **Phạm Văn V**, sinh ngày: 10/11/1982 (Vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn đề ngày 26/7/2024, bản tự khai đề ngày 21/9/2024, nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết M trình bày:

Chị và anh Phạm Văn V kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh T. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không còn hợp nhau và vợ chồng sống ly thân không hàn gắn tình cảm được cho đến nay. Quá trình chung sống, chị và anh V có 02 con chung Phạm Thị Trúc G, sinh ngày: 25/9/2005 đã thành niên và Phạm Vũ T, sinh ngày: 19/3/2009, chị đang nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Lê Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Phạm Văn V.
- Về con chung: Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phạm Vũ T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung Phạm Thị Trúc G đã thành niên không yêu cầu giải quyết.
- Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị Tuyết M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 15/10/2024.

* Bị đơn anh Phạm Văn V các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đến lần thứ hai đều vắng mặt nên không có lời khai.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán phân công giải quyết án xác định đúng quan hệ tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn các lần hòa giải đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Tuyết M. Về con chung: Chị Lê Thị Tuyết M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phạm Vũ T, sinh ngày: 19/3/2009 và ghi nhận chị Minh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung Phạm Thị Trúc G đã thành niên không xem xét giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: Chị M khai không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê Thị Tuyết M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 15/10/2024 (Bút lục số 38). Bị đơn anh Phạm Văn V đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng anh Vũ đều vắng mặt. Anh V hiện nay vẫn đang sinh sống tại địa phương (Theo đơn xin xác nhận của công an xã Đ ngày 26/7/2024, bút lục số 08). Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị M, anh V là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Tuyết M và anh Phạm Văn V kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh T, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị M trình bày là do không còn hợp nhau và vợ chồng sống ly thân không hàn gắn tình cảm được cho đến nay. Chị M vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh V. Anh V không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị M. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị M và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của

chị M đối với anh V là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Quá trình chung sống, chị M và anh V có 02 con chung Phạm Thị Trúc G, sinh ngày: 25/9/2005 đã thành niên và Phạm Vũ T, sinh ngày: 19/3/2009, chị M đang nuôi dưỡng. Ly hôn chị M có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Phạm Vũ T. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ lúc chị M và anh V sống ly thân, con chung là cháu T chị M nuôi dưỡng đến nay và nguyện vọng của con chung cháu T là muốn sống chung với mẹ (Thể hiện tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 15/8/2024, bút lục số 28). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, cháu T, phù hợp quy định pháp luật theo Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Riêng con chung Phạm Thị Trúc G đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Ghi nhận chị Minh nuôi dưỡng con chung cháu T không yêu cầu anh Vũ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung, nợ chung:

Chị Lê Thị Tuyết M khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án hôn nhân, nuôi dưỡng con chung, tài sản chung và nợ chung là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 04 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lê Thị Tuyết M.

2. Chị Lê Thị Tuyết M được ly hôn với anh Phạm Văn V.

3. Về con chung: Chị Lê Thị Tuyết M được nuôi dưỡng con chung Phạm Vũ T, sinh ngày: 19/3/2009. Ghi nhận chị Lê Thị Tuyết M không yêu cầu anh Phạm Văn V cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung Phạm Thị Trúc G, sinh ngày: 25/9/2005 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Trong thời gian con chung Phạm Vũ T của chị M và anh V chưa thành niên (*Chưa đủ 18 tuổi*), chị M có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng

con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Tuyết M khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Lê Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002026 ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị M đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Đ, huyện B, tỉnh T (Số 72, quyển số 01/2004 ngày 21/12/2004);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương